



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	030001	ĐỖ MAI AN	Nữ	04/07/2010	8.34	8.61	8.78	8.83	8.64	6.25	7.00	6.75	0.0	0.0	16.59	
2	030002	HỒ QUỐC AN	Nam	13/08/2010	8.11	7.7	7.86	8.03	7.93	7.00	5.75	4.50	0.0	0.0	14.45	
3	030003	LÊ BÌNH AN	Nam	11/12/2010	7.6	7.5	7.96	8.16	7.81	5.00	6.00	5.00	0.0	0.0	13.54	
4	030004	LÊ THÚY AN	Nữ	30/10/2010	6.23	6.41	7.15	6.86	6.66	2.75	3.75	3.50	0.0	0.0	9.00	
5	030005	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	15/09/2010	9.2	8.99	9.11	9.31	9.15	7.50	8.75	5.00	0.0	0.0	17.62	
6	030006	NGUYỄN HOÀNG AN	Nam	20/01/2010	7.39	7.25	7	6.78	7.11	6.50	5.75	6.75	0.0	0.0	15.43	
7	030007	NGUYỄN HUỲNH TUẤN AN	Nam	23/07/2010	8.48	8.19	7.61	8.11	8.1	6.50	6.25	7.50	0.0	0.0	16.61	
8	030008	NGUYỄN TRẦN PHÚC AN	Nữ	28/10/2010	8.16	8.14	8.58	7.59	8.12	7.00	5.25	6.75	0.0	0.0	15.74	
9	030009	VÕ MINH AN	Nam	24/12/2010	7.68	8.01	8.16	7.73	7.9	7.00	6.75	7.75	0.0	0.0	17.42	
10	030010	CAO THỊ KIM ANH	Nữ	24/01/2010	7.73	7.26	8.03	8.03	7.76	6.75	5.00	5.50	0.0	0.0	14.40	
11	030011	HỒ PHƯƠNG ANH	Nữ	22/11/2010	7.5	7.51	7.88	8.34	7.81	5.25	5.50	5.75	0.0	0.0	13.89	
12	030012	HUỲNH ANH	Nữ	24/11/2010	6.75	6.48	6.53	6.28	6.51	4.00	4.00	4.25	0.0	0.0	10.53	
13	030013	HUỲNH NGUYỄN HÀ ANH	Nữ	27/05/2010	8.11	8.15	8.9	8.88	8.51	7.75	7.75	5.50	0.0	0.0	17.25	
14	030014	HUỲNH THỊ MINH ANH	Nữ	03/09/2008	8.51	8.28	8.49	9.21	8.62	5.58	4.25	6.50	0.0	0.0	14.02	
15	030015	KIM NGỌC HUỲNH ANH	Nữ	04/10/2010	6.5	6.78	6.74	6.34	6.59	6.25	2.25	4.25	0.0	0.0	10.90	
16	030016	NGUYỄN HÀ THỦY ANH	Nữ	09/10/2010	7.85	7.39	7.8	7.71	7.69	7.25	4.75	8.00	0.0	0.0	16.31	
17	030017	NGUYỄN HOÀNG NGUYỆT ANH	Nữ	05/10/2010	8.49	8.5	7.94	7.93	8.22	6.75	6.50	7.25	0.0	0.0	16.82	
18	030018	NGUYỄN TRẦN VÂN ANH	Nữ	09/01/2010	8.14	8.43	8.74	8.78	8.52	8.25	5.25	6.25	0.0	0.0	16.38	
19	030019	NGUYỄN TRÚC ANH	Nữ	26/05/2010	7.09	7.11	7.08	6.98	7.07	5.50	3.75	2.75	0.0	0.0	10.52	
20	030020	NGUYỄN VÕ MINH ANH	Nữ	29/04/2010	7.86	7.93	8.11	7.83	7.93	6.25	4.25	3.75	0.0	0.0	12.35	
21	030021	PHẠM NGUYỆT THẢO ANH	Nữ	23/09/2010	7.84	7.85	7.9	7.79	7.85	6.00	5.50	5.75	0.0	0.0	14.43	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	030022	TRẦN HOÀNG ANH	Nam	20/04/2009	7.13	7	7.81	7.28	7.31	5.92	3.50	7.75	0.0	0.0	14.21	
23	030023	CAO THỊ ÁI	Nữ	07/02/2010	9.14	8.95	8.51	8.66	8.82	6.50	7.25	7.50	0.0	0.0	17.52	
24	030024	HUỖNH THỊ KHIÊM ÁI	Nữ	10/06/2010	7.53	7.34	7.04	7.66	7.39	4.25	4.00	3.75	0.0	0.0	10.62	
25	030025	ĐÀO THIÊN BẢO	Nam	07/09/2010	8.08	8.34	8.46	8.69	8.39	6.50	7.00	6.75	0.0	0.0	16.69	
26	030026	LÊ GIA BẢO	Nam	15/10/2010	6.8	7.08	7.71	7.74	7.33	3.50	4.75	4.25	0.0	0.0	10.95	
27	030027	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	26/08/2010	9.04	8.76	9.01	9.09	8.98	7.50	7.25	9.00	0.0	0.0	19.32	
28	030028	NGUYỄN HOÀNG KIM BẢO	Nam	17/09/2010	6.18	6.1	7.53	8.25	7.02	5.75	5.00	5.50	0.0	0.0	13.48	
29	030029	NGUYỄN THÁI BẢO	Nam	23/11/2010	5.55	6.78	6.94	7.25	6.63	5.50	4.00	2.25	0.0	0.0	10.21	
30	030030	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	19/12/2010	6.76	7.86	7.74	8.05	7.6	5.25	6.75	7.00	0.0	0.0	15.58	
31	030031	TRẦN GIA BẢO	Nam	23/05/2010	5.65	6.64	5.83	5.96	6.02	2.50	2.50	2.75	0.0	0.0	7.23	
32	030032	LÊ KHÁNH BĂNG	Nữ	19/01/2010	7.28	7.91	8.09	7.41	7.67	6.25	3.25	3.50	0.0	0.0	11.40	
33	030033	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	02/01/2010	9.54	9.23	9.54	9.28	9.4	7.25	8.25	9.25	0.0	0.0	20.15	
34	030034	TẠ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	20/08/2010	7.86	7.35	7.13	7.4	7.44	8.00	2.75	3.00	0.0	0.0	11.86	
35	030035	VÔ THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	28/01/2010	7.29	8.09	8.1	8.26	7.94	4.50	6.50	5.75	0.0	0.0	14.11	
36	030036	HUỖNH THỊ BẢO CHÂU	Nữ	19/10/2010	7.4	7.66	7.81	8.28	7.79	4.00	5.50	3.75	0.0	0.0	11.61	
37	030037	LÂM NGỌC MINH CHÂU	Nữ	15/03/2010	8.71	8.38	8.55	8.11	8.44	4.00	5.50	6.00	0.0	0.0	13.38	
38	030038	LÊ ĐỖ MINH CHÂU	Nữ	23/05/2010	8.88	8.45	8.49	8.74	8.64	7.50	6.00	8.00	0.0	0.0	17.64	
39	030039	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	13/05/2010	8.79	8.29	8.46	8.7	8.56	8.25	5.00	8.50	0.0	0.0	17.79	
40	030040	VÔ HOÀNG CHÂU	Nữ	06/01/2010	8.71	9.03	9.05	8.8	8.9	6.00	5.50	6.25	0.0	0.0	15.10	
41	030041	MAI HỮU CỎ	Nam	16/08/2010	5.09	5.75	5.55	6.45	5.71	2.75	3.50	4.25	0.0	0.0	9.06	
42	030042	TRẦN HOÀNG CÔNG	Nam	16/09/2010	6.73	7.18	5.9	6.88	6.67	3.75	3.50	3.00	0.0	0.0	9.18	
43	030043	NGUYỄN TÂN CƯỜNG	Nam	26/06/2010	5.59	6.6	6.98	7.21	6.6	3.50	2.75	4.50	0.0	0.0	9.51	
44	030044	VÔ THÀNH DANH	Nam	04/10/2010	6.44	6.83	6.16	6.5	6.48	2.75	2.50	2.50	0.0	0.0	7.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	030045	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	15/10/2010	5.88	6.64	7.36	7.38	6.82	3.75	2.75	3.00	0.0	0.0	8.70	
46	030046	LƯU THANH DU	Nữ	07/12/2010	7.16	7.34	8.49	8.7	7.92	5.75	4.75	8.25	0.0	0.0	15.50	
47	030047	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Nữ	09/01/2010	8.8	8.75	9.05	8.71	8.83	6.75	5.75	7.75	0.0	0.0	16.82	
48	030048	ĐẶNG NHẬT DUY	Nam	25/07/2010	6.98	7.09	7.24	7.46	7.19	3.75	3.25	2.75	0.0	0.0	8.98	
49	030049	LÊ NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	21/05/2010	6.34	6.95	7.06	7.25	6.9	2.75	2.25	2.25	0.0	0.0	7.15	
50	030050	MAI HIẾU DUY	Nam	14/07/2010	7.33	7.7	7.75	7.4	7.55	5.00	5.50	5.50	0.0	0.0	13.47	
51	030051	NGUYỄN QUỐC DUY	Nam	06/01/2010	5.4	6.18	6.28	7.11	6.24	5.00	3.75	3.50	0.0	0.0	10.45	
52	030052	PHẠM HOÀNG BẢO DUY	Nam	05/04/2010	8.25	8.91	9.44	9.31	8.98	7.25	9.00	6.00	0.0	0.5	18.77	
53	030053	VÔ THÀNH DUY	Nam	01/04/2010	5.45	6.33	6.66	6.43	6.22	3.75	4.50	2.75	0.0	0.0	9.57	
54	030054	ĐỖ TRÍ DŨNG	Nam	24/08/2010	8.34	8.1	8.1	8.28	8.21	5.00	7.75	7.50	0.0	0.0	16.64	
55	030055	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	07/01/2010	7.71	7.96	7.09	6.91	7.42	7.50	2.75	6.50	0.0	0.0	13.95	
56	030056	VÔ TÙNG DƯƠNG	Nam	07/03/2010	6.95	7.75	7.69	7.41	7.45	4.75	4.00	2.00	0.0	0.0	9.76	
57	030057	DƯƠNG NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	19/02/2010	7.38	8.13	8.3	8.14	7.99	7.00	7.25	8.00	0.0	0.0	17.97	
58	030058	ĐOÀN QUỐC ĐẠT	Nam	25/10/2010	6.84	7.95	8.06	7.5	7.59	5.25	4.25	3.50	1.0	0.0	12.38	
59	030059	HUỲNH TẤN ĐẠT	Nam	08/01/2010	7.21	6.04	6.39	7.05	6.67	4.75	4.75	5.50	0.0	0.0	12.50	
60	030060	LÊ TẤN ĐẠT	Nam	06/03/2010	7.08	7.13	7.7	7.08	7.25	5.25	4.50	3.50	0.0	0.0	11.45	
61	030061	LÊ VĂN THÀNH ĐẠT	Nam	05/03/2010	7.83	7.93	7.84	7.74	7.84	4.75	7.50	8.75	0.0	0.0	17.05	
62	030062	LƯƠNG PHÁT ĐẠT	Nam	02/09/2010	6.85	7.85	7.81	7.39	7.48	4.00	5.00	3.50	0.0	0.0	10.99	
63	030063	NGUYỄN ĐỖ ĐẠT	Nam	26/11/2010	7.09	7.74	7.58	7.38	7.45	4.50	4.00	3.50	0.0	0.0	10.64	
64	030064	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	28/08/2010	7.26	7.89	7.74	7.81	7.68	4.00	3.75	3.75	0.0	0.0	10.35	
65	030065	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	28/12/2010	6.73	7.18	6.28	6.84	6.76	5.50	4.50	6.75	0.0	0.0	13.75	
66	030066	PHẠM TẤN ĐẠT	Nam	11/10/2010	7.9	7.7	7.58	7.64	7.71	4.00	4.50	3.00	0.0	0.0	10.36	
67	030067	QUÁCH GIA ĐẠT	Nam	27/09/2009	6.74	7.48	7.38	7.25	7.21	6.00	5.50	5.50	0.0	0.0	14.06	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	030068	QUÁCH SĨ ĐẠT	Nam	03/08/2010	7.43	6.88	7.84	7.2	7.34	4.75	4.00	2.75	0.0	0.0	10.25	
69	030069	LÊ TRẦN HẢI ĐĂNG	Nam	12/09/2010	7.81	7.06	6.73	6.56	7.04	5.00	2.75	1.75	0.0	0.0	8.76	
70	030070	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	05/04/2010	6.63	7.28	7.33	6.96	7.05	3.50	3.50	4.50	0.0	0.0	10.17	
71	030071	PHẠM HOÀNG MINH ĐĂNG	Nam	11/04/2010	6.78	7.3	6.65	6.73	6.87	3.50	4.00	4.50	0.0	0.0	10.46	
72	030072	PHẠM KHÁNH ĐĂNG	Nam	30/09/2010	7.91	8.55	8.49	7.9	8.21	6.50	4.50	7.50	0.0	0.0	15.41	
73	030073	TRẦN NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	30/04/2010	8.71	8.03	8.03	7.71	8.12	5.50	2.50	5.00	0.0	0.0	11.54	
74	030074	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Nam	29/09/2010	6.4	7.01	6.94	6.74	6.77	4.50	1.75	3.50	0.0	0.0	8.86	
75	030075	ĐỖ MINH HOÀNG GIANG	Nam	23/03/2010	6.75	7.16	7.5	6.5	6.98	3.75	1.50	3.50	0.0	0.0	8.22	
76	030076	NGUYỄN THANH GIÀU	Nam	28/06/2010	6.63	6.73	6.69	6.58	6.66	3.75	0.25	3.00	0.0	0.0	6.90	Liệt
77	030077	PHẠM NGỌC GIÀU	Nam	12/12/2010	6.86	7.04	6.95	7.09	6.99	2.50	1.75	3.50	0.0	0.0	7.52	
78	030078	TRẦN THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	12/04/2010	7.31	7.79	7.45	7.45	7.5	3.75	4.25	5.75	0.0	0.0	11.88	
79	030079	HÀ NGỌC HÀ	Nữ	27/08/2010	6.86	7.19	7.94	7.28	7.32	4.25	2.00	4.00	0.0	0.0	9.37	
80	030080	LÊ DƯƠNG NGỌC HÀ	Nữ	07/10/2010	7.66	7.68	7.68	7.35	7.59	7.00	2.25	3.50	0.0	0.0	11.20	
81	030081	LÊ TRÀ KHÁNH HÀ	Nữ	29/09/2010	7.95	8.03	8.36	7.86	8.05	4.75	6.50	5.50	0.0	0.0	14.14	
82	030082	TRƯƠNG LÊ NGỌC HÀ	Nữ	27/07/2010	8.94	8.98	9.13	9.3	9.09	7.75	8.00	6.50	0.0	0.0	18.30	
83	030083	NGUYỄN THÁI HÀO	Nam	10/03/2010	6.7	5.88	6.38	7.66	6.66	3.25	4.75	4.00	0.0	0.0	10.40	
84	030084	PHAN NHẬT HÀO	Nam	05/11/2010	7.84	8.08	8.36	8.23	8.13	5.25	5.75	5.00	0.0	0.0	13.64	
85	030085	NGUYỄN BÁ HẢI	Nam	25/07/2010	5.45	5.84	6.09	5.53	5.73	5.25	1.50	2.50	0.0	0.0	8.19	
86	030086	HUỶNH THỊ THÚY HẰNG	Nữ	31/10/2010	8.08	7.23	7.36	8.16	7.71	6.25	4.25	5.75	0.0	0.0	13.69	
87	030087	LÊ MINH HẰNG	Nữ	10/12/2010	7.31	7.39	7.48	7.55	7.43	4.50	3.25	2.50	0.0	0.0	9.40	
88	030088	LÊ THỊ MỸ HẰNG	Nữ	27/04/2010	7.21	6.89	7.5	6.84	7.11	3.50	0.00	3.75	0.0	0.0	7.21	Liệt
89	030089	NGUYỄN NGỌC MINH HẰNG	Nữ	24/05/2010	8.63	8.34	8.41	8.71	8.52	6.50	6.25	8.50	0.0	0.0	17.43	
90	030090	ĐOÀN NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	03/12/2010	6.78	7.64	7.56	7.05	7.26	1.75	4.00	3.50	0.0	0.0	8.65	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	030091	PHAN THỊ UYÊN HÂN	Nữ	20/05/2010	7.8	8.31	7.65	7.29	7.76	4.75	6.00	4.25	0.0	0.0	12.83	
92	030092	PHẠM MINH HÂN	Nữ	15/01/2010	7.19	7.03	6.95	6.76	6.98	2.50	3.50	3.00	0.0	0.0	8.39	
93	030093	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	27/09/2010	7.7	7.41	7.3	8.04	7.61	4.25	5.50	7.00	0.0	0.0	14.01	
94	030094	TRẦN NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	23/05/2010	6.31	7.13	7.69	7.39	7.13	6.75	3.75	2.50	0.0	0.0	11.24	
95	030095	TRƯƠNG THỊ NGỌC HÂN	Nữ	15/12/2010	7.4	7.75	7.49	6.93	7.39	3.75	3.50	3.00	0.0	0.0	9.39	
96	030096	VÔ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	04/09/2010	7.94	7.83	7.9	8.14	7.95	5.50	5.75	3.00	0.0	0.0	12.36	
97	030097	LÊ TRUNG HẬU	Nam	30/07/2010	5.85	6.33	7.18	7.84	6.8	5.00	6.25	3.25	0.0	0.0	12.19	
98	030098	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	11/05/2010	6.9	7.4	7.41	7.24	7.24	6.25	5.00	5.25	0.0	0.0	13.72	
99	030099	VÔ THỊ THANH HIỀN	Nữ	21/06/2010	7.83	6.99	7.36	7.94	7.53	5.75	6.25	3.00	0.0	0.0	12.76	
100	030100	ĐÀO MINH HIẾU	Nam	11/06/2010	8.04	8.08	7.26	6.85	7.56	5.75	4.50	5.75	0.0	0.0	13.47	
101	030101	HỒ THANH HIẾU	Nam	31/08/2010	7.44	7.6	7.86	7.35	7.56	3.50	2.50	2.00	0.0	0.0	7.87	
102	030102	NGUYỄN PHAN TRUNG HIẾU	Nam	23/01/2010	5.71	6.55	6.6	6.98	6.46	4.25	2.25	3.25	0.0	0.0	8.76	
103	030103	TRỊNH TRUNG HIẾU	Nam	24/09/2010	6.16	7.43	6.76	6.51	6.72	4.50	2.50	4.50	0.0	0.0	10.07	
104	030104	NGUYỄN DUY HOÀNG	Nam	22/06/2010	5.66	5.55	5.99	6.38	5.9	3.25	3.75	2.50	0.0	0.0	8.42	
105	030105	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	08/11/2010	7.34	7.94	7.79	7.24	7.58	5.75	4.25	4.75	0.0	0.0	12.60	
106	030106	NGUYỄN LONG HỒ	Nam	29/05/2010	5.7	6.13	6.16	6.18	6.04	4.25	5.25	4.50	0.0	0.0	11.61	
107	030107	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ	Nữ	01/01/2010	8.33	7.76	7.9	7.63	7.91	4.50	4.00	3.75	0.0	0.0	10.95	
108	030108	HỒ QUANG HUY	Nam	07/02/2010	8.48	8.68	8.91	9.08	8.79	6.25	7.00	5.75	0.0	0.0	15.94	
109	030109	HUỶNH DƯƠNG ĐỨC HUY	Nam	25/05/2010	8.15	7.8	7.89	7.66	7.88	7.00	6.25	5.25	0.0	0.0	15.31	
110	030110	LÊ GIA HUY	Nam	04/07/2010	7.6	8.25	8.31	7.95	8.03	6.25	4.75	8.50	0.0	0.0	16.06	
111	030111	LÊ GIA HUY	Nam	06/03/2010	7.25	6.08	6.55	6.59	6.62	5.50	2.50	5.25	0.0	0.0	11.26	
112	030112	LÊ NHẬT HUY	Nam	05/06/2010	7.99	8.05	7.59	7.41	7.76	7.00	3.25	3.75	0.0	0.0	12.13	
113	030113	LÝ QUỐC HUY	Nam	12/09/2010	6.83	7.4	7.1	6.98	7.08	6.00	4.00	2.75	0.0	0.0	11.05	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	030114	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	08/10/2009	6.65	6.83	7.61	7.34	7.11	4.25	5.00	5.75	0.0	0.0	12.63	
115	030115	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	24/03/2010	7.83	7.51	8.06	7.95	7.84	7.50	4.75	8.00	0.0	0.0	16.53	
116	030116	TRẦN ANH HUY	Nam	19/02/2010	8.36	8.2	8.53	8.49	8.4	7.25	6.25	6.25	0.0	0.0	16.35	
117	030117	PHAN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	15/07/2010	8.35	8.28	8.36	7.98	8.24	7.25	4.50	5.50	0.0	0.0	14.55	
118	030118	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	10/02/2010	7.61	6.98	6.21	6.96	6.94	4.00	4.00	3.00	0.0	0.0	9.78	
119	030119	TRƯƠNG MẠNH HÙNG	Nam	20/11/2010	6.43	7.41	7.56	7.45	7.21	6.00	4.75	6.75	0.0	0.0	14.41	
120	030120	NGUYỄN DOÃN GIA HÙNG	Nam	08/06/2010	6.74	6.43	6.38	6.54	6.52	4.50	4.75	4.50	0.0	0.0	11.58	
121	030121	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	Nam	12/04/2010	6.59	6.56	6.9	6.54	6.65	2.75	3.75	2.50	0.0	0.0	8.30	
122	030122	TRANG NGUYỄN THANH HƯNG	Nam	23/12/2008	5.48	6.69	6.31	6.4	6.22	4.00	2.50	3.25	0.0	0.0	8.69	
123	030123	NGUYỄN HẢI ĐĂNG HY	Nam	27/06/2010	8.33	7.91	7.71	7.96	7.98	6.00	6.25	5.00	0.0	0.0	14.47	
124	030124	NGUYỄN MINH HY	Nam	23/07/2010	7.09	7.31	7.46	7.53	7.35	6.50	5.00	6.00	0.0	0.0	14.46	
125	030125	NGUYỄN ANH KHA	Nam	02/01/2010	8.64	8.71	8.44	8.43	8.56	7.75	8.00	8.50	0.0	0.0	19.54	
126	030126	PHAN MINH KHA	Nam	09/07/2009	6.05	6.13	6.73	6.7	6.4	3.00	3.50	2.00	0.0	0.0	7.87	
127	030127	ĐẶNG NGÔ QUANG KHANG	Nam	12/10/2010	8.64	8.46	8.78	8.34	8.56	6.67	8.00	7.50	0.0	0.0	18.09	
128	030128	LƯƠNG MINH KHANG	Nam	13/06/2010	6.51	7.23	7.2	7.31	7.06	5.00	3.75	4.00	0.0	0.0	11.04	
129	030129	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	14/05/2010	7.13	7.71	7.06	7.96	7.47	7.00	7.00	8.00	0.0	0.0	17.64	
130	030130	NGUYỄN HUỲNH THIÊN KHANG	Nam	07/03/2010	7.24	7.19	7.34	6.84	7.15	5.50	3.50	3.00	0.0	0.0	10.55	
131	030131	NGUYỄN PHƯỚC KHANG	Nam	09/06/2010	7.36	7.53	7.35	7.3	7.39	6.00	4.75	6.00	0.0	0.0	13.94	
132	030132	PHAN DUY KHANG	Nam	14/05/2010	8.26	8.26	8.33	8.06	8.23	6.75	6.50	5.50	0.0	0.0	15.59	
133	030133	PHẠM NGUYỄN MINH KHANG	Nam	24/01/2010	5.99	6.01	6.45	6.7	6.29	3.25	1.50	2.75	0.0	0.0	7.14	
134	030134	THÁI GIA KHANG	Nam	07/11/2010	8.35	7.66	7.35	7.21	7.64	6.50	6.00	3.50	0.0	0.0	13.49	
135	030135	TRẦN BẢO KHANG	Nam	03/01/2010	6.89	6.68	7.01	6.98	6.89	5.50	4.50	2.75	0.0	0.0	10.99	
136	030136	TRẦN MINH KHANG	Nam	16/02/2010	7.44	8.13	7.53	7.14	7.56	5.50	3.75	6.00	0.0	0.0	12.94	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	030137	TRẦN SĨ KHANG	Nam	27/06/2010	9.4	8.73	8.59	8.54	8.82	7.75	7.00	7.00	0.0	0.0	17.87	
138	030138	TRẦN TÂN KHANG	Nam	15/06/2010	7.13	7.84	7.95	7.71	7.66	5.50	3.75	5.00	0.0	0.0	12.27	
139	030139	TRƯƠNG MINH KHANG	Nam	10/10/2010	7.18	7.68	7.95	7.88	7.67	7.00	4.50	7.50	0.0	0.0	15.60	
140	030140	VÕ MINH KHANG	Nam	13/04/2010	6.8	7.59	7.49	7.76	7.41	7.50	6.00	7.75	0.0	0.0	17.10	
141	030141	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	Nữ	23/05/2010	8.65	8.43	8.48	8	8.39	7.25	6.00	8.25	0.0	0.0	17.57	
142	030142	ĐỖ HOÀNG KHIÊM	Nam	20/04/2009	7.1	6.5	7.2	7.59	7.1	4.25	4.75	4.00	0.0	0.0	11.23	
143	030143	HÀ VĂN KHIÊM	Nam	24/07/2010	7.31	7.38	7.81	7.51	7.5	5.83	6.25	3.75	0.0	0.0	13.33	
144	030144	LÂM NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	20/08/2010	5.69	6.15	6.7	6.7	6.31	5.50	3.50	3.75	0.0	0.0	10.82	
145	030145	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	21/05/2010	5.94	5.83	5.7	6.13	5.9	3.00	3.75	1.50	0.0	0.0	7.55	
146	030146	NGUYỄN ĐỖ MINH KHOA	Nam	17/01/2010	7.44	8.3	8.55	7.76	8.01	5.25	5.00	6.25	0.0	0.0	13.95	
147	030147	NGUYỄN LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	20/02/2010	8.28	8.59	8.34	8.01	8.31	5.75	5.50	3.00	0.0	0.0	12.47	
148	030148	TRẦN ANH KHOA	Nam	24/04/2010	7.91	8.5	8.64	8.48	8.38	4.75	4.50	4.00	0.0	0.0	11.79	
149	030149	VÕ MINH KHOA	Nam	14/08/2010	8.01	7.65	8.04	8	7.93	4.25	6.50	4.50	0.0	0.0	13.05	
150	030150	ĐINH TUẤN KHÔI	Nam	15/05/2010	7.53	7.88	7.21	7.68	7.58	7.25	3.50	3.50	0.0	0.0	12.25	
151	030151	HUỲNH MINH KHÔI	Nam	20/06/2010	7.89	7.24	7.76	7.84	7.68	7.50	6.50	7.00	0.0	0.0	17.00	
152	030152	LÂM DUY KHÔI	Nam	29/06/2009	7.09	5.91	6.68	6.36	6.51	4.50	0.75	2.50	0.0	0.0	7.38	Liệt
153	030153	HÀ THANH KHƯƠNG	Nam	05/10/2010	8.16	7.95	8.09	8.49	8.17	6.25	5.75	7.25	0.0	0.0	15.93	
154	030154	HÀNG TRUNG KIÊN	Nam	16/05/2010	6.73	7.01	7.24	7.61	7.15	5.00	6.50	6.00	0.0	0.0	14.40	
155	030155	NGUYỄN NINH KIỀU	Nữ	09/08/2010	7.6	8.6	8.7	9.04	8.49	8.00	8.25	8.25	0.0	0.0	19.70	
156	030156	TRẦN THỊ DIỄM KIỀU	Nữ	15/04/2010	7.54	8.03	8.2	8.04	7.95	4.67	6.25	6.00	0.0	0.0	14.23	
157	030157	BÙI NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	09/01/2010	6.05	7.33	7.36	7.51	7.06	5.50	6.00	3.25	0.0	0.0	12.44	
158	030158	HUỲNH TUẤN KIẾT	Nam	05/06/2010	7.61	8.36	8.69	8.75	8.35	7.25	5.25	4.50	0.0	0.0	14.41	
159	030159	NGUYỄN ANH KIẾT	Nam	27/06/2010	7.21	7.56	8.1	7.84	7.68	4.25	3.75	3.00	0.0	0.0	10.00	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	030160	NGUYỄN QUỐC KIỆT	Nam	04/09/2010	7.41	7.7	7.76	7.8	7.67	5.00	3.75	5.75	0.0	0.0	12.45	
161	030161	NGUYỄN TUẤN KIỆT	Nam	24/09/2010	7.08	7.24	7.46	7.45	7.31	5.00	4.00	1.75	0.0	0.0	9.72	
162	030162	VŨ LÂM THIÊN KIM	Nữ	13/03/2010	8.65	8.84	8.86	9.03	8.85	8.00	6.25	7.25	0.0	0.0	17.71	
163	030163	BIỆN LÊ NHÃ KỶ	Nữ	30/10/2010	8.43	8.39	8.23	8.53	8.4	6.50	6.50	7.25	0.0	0.0	16.70	
164	030164	LÊ VÔ MỸ KỶ	Nữ	23/09/2010	7.4	7.55	7.55	7.48	7.5	5.75	3.50	3.50	0.0	0.0	11.18	
165	030165	NGUYỄN NHÃ KỶ	Nữ	22/12/2010	6.68	6.79	6.71	7.04	6.81	4.33	4.25	3.00	0.0	0.0	10.15	
166	030166	ÔN NHÃ KỶ	Nữ	05/01/2010	8	8.08	8.76	8.93	8.44	6.50	7.75	9.00	1.0	0.0	19.81	
167	030167	TÓNG NHÃ KỶ	Nữ	13/01/2010	8.8	8.66	8.68	8.5	8.66	6.25	5.75	8.00	0.0	0.0	16.60	
168	030168	HUỶNH ĐOÀN TRÀ LAM	Nữ	02/11/2010	7.38	7.78	7.75	7.16	7.52	6.50	4.25	2.75	0.0	0.0	11.71	
169	030169	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG LAM	Nữ	12/01/2010	7.58	7.54	7.94	7.8	7.72	8.00	2.50	6.00	0.0	0.0	13.87	
170	030170	VÔ NGUYỄN NGỌC LAM	Nữ	02/07/2010	7.1	7.48	7.21	7.01	7.2	4.00	2.00	1.75	0.0	0.0	7.59	
171	030171	BÙI HOÀNG LÂM	Nam	12/08/2010	9.15	8.93	9.11	8.69	8.97	7.50	6.00	7.25	0.0	0.5	17.72	
172	030172	TRƯƠNG THIẾT LẬP	Nam	30/09/2010	6.5	7.21	7.74	7.24	7.17	6.25	3.50	4.00	0.0	0.0	11.78	
173	030173	LÊ ĐOÀN KHÁNH LINH	Nữ	26/10/2010	7.71	7.46	7.41	7.44	7.51	7.00	5.00	7.00	0.0	0.0	15.55	
174	030174	NGUYỄN HOÀNG NHẬT LINH	Nam	31/07/2010	6.95	6.91	6.66	7.01	6.88	5.50	4.25	3.00	0.0	0.0	10.99	
175	030175	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	05/09/2010	6.9	6.88	6.76	6.63	6.79	4.25	3.50	2.50	0.0	0.0	9.21	
176	030176	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	25/05/2010	7.16	6.99	6.99	7.46	7.15	4.58	6.00	4.25	0.0	0.0	12.53	
177	030177	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	19/06/2010	8.59	9.06	9.28	9.21	9.04	6.75	6.75	7.25	0.0	0.0	17.24	
178	030178	TRẦN THỊ MAI LINH	Nữ	16/07/2010	8.13	7.99	8.24	8.06	8.11	5.75	5.75	4.50	0.0	0.0	13.63	
179	030179	TRIỆU HOÀNG DUY LINH	Nam	23/02/2010	6.99	6.58	6.96	7.64	7.04	5.00	5.50	2.50	0.0	0.0	11.21	
180	030180	PHẠM HUY LONG	Nam	11/09/2010	7.25	7.21	7.4	8.03	7.47	6.00	5.75	3.75	0.0	0.0	13.09	
181	030181	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	Nam	21/02/2010	8.64	8.6	8.49	8.33	8.52	7.00	8.25	6.50	0.0	0.0	17.78	
182	030182	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	05/08/2010	7.54	7.6	7.2	7.39	7.43	5.00	5.75	5.75	0.0	0.0	13.78	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	030183	PHẠM NGÔ ĐẠI THIÊN LỘC	Nam	31/08/2010	5.9	6.19	6.14	6.46	6.17	5.00	4.50	2.25	0.0	0.0	10.08	
184	030184	NGUYỄN HỮU LỢI	Nam	30/04/2010	8.23	8.33	8.64	8.63	8.46	6.50	8.00	8.25	0.0	0.0	18.46	
185	030185	HOÀNG TRÚC LY	Nữ	25/03/2010	8.53	8.33	8.99	8.51	8.59	7.00	5.75	5.25	0.0	0.0	15.18	
186	030186	ĐẶNG NGUYỄN THANH MAI	Nữ	12/05/2010	8.98	8.83	9.05	9.45	9.08	8.25	6.50	9.00	0.0	0.0	19.35	
187	030187	LÊ TUYẾT MAI	Nữ	01/07/2010	7.14	6.65	6.96	6.48	6.81	2.50	2.75	1.50	0.0	0.0	6.77	
188	030188	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	24/03/2010	6.69	6.79	7.54	6.91	6.98	3.75	3.00	3.25	0.0	0.0	9.09	
189	030189	NGUYỄN TẤN MẠNH	Nam	15/12/2010	5.88	5.44	5.14	5.94	5.6	4.50	3.50	3.50	0.0	0.0	9.73	
190	030190	NGUYỄN NGỌC TRIỆU MÂN	Nữ	03/11/2010	8.23	8.59	8.34	7.91	8.27	6.50	5.75	5.25	0.0	0.0	14.73	
191	030191	LÊ THỊ TRÀ MI	Nữ	25/03/2010	6.3	6.5	6.53	6.19	6.38	4.50	3.00	3.75	0.0	0.0	9.79	
192	030192	CAO HOÀNG MINH	Nam	12/12/2010	6.24	5.51	5.39	6.11	5.81	1.75	2.50	3.75	0.0	0.0	7.34	
193	030193	LÊ MINH	Nam	07/09/2010	8.58	8.66	8.66	8.23	8.53	5.50	5.25	7.75	0.0	0.0	15.51	
194	030194	PHẠM GIA MINH	Nam	15/08/2010	8.39	7.99	8.21	7.84	8.11	5.75	5.50	9.00	0.0	0.0	16.61	
195	030195	TRẦN QUANG MINH	Nam	18/09/2010	6.48	6.74	6.88	6.78	6.72	3.50	2.50	4.50	0.0	0.0	9.37	
196	030196	BÙI NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	10/04/2010	7.65	7.98	7.75	7.89	7.82	6.50	4.50	3.50	0.0	0.0	12.50	
197	030197	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	Nữ	12/05/2010	8.5	7.68	8.4	8.83	8.35	5.75	3.50	4.25	0.0	0.0	11.96	
198	030198	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Nữ	28/12/2010	9.13	8.83	9.35	9.35	9.17	7.25	7.25	5.75	0.0	0.0	16.93	
199	030199	TRẦN THỊ DIỄM MỸ	Nữ	22/11/2010	6.58	7.3	7.46	7.59	7.23	6.75	6.50	3.50	0.0	0.0	13.89	
200	030200	PHAN THANH NAM	Nam	12/10/2009	6.1	6.96	7.29	7.13	6.87	5.25	5.00	4.25	0.0	0.0	12.21	
201	030201	HUỲNH THỊ THẢO NGA	Nữ	12/07/2010	6.81	7.35	7.14	6.43	6.93	4.50	1.75	5.50	0.0	0.0	10.30	
202	030202	SÀM THỊ THÚY NGA	Nữ	10/12/2010	8.29	8.28	8.34	8.54	8.36	5.75	5.00	5.00	0.0	0.0	13.53	
203	030203	BÙI THANH KIM NGÂN	Nữ	08/09/2010	6.84	7.13	6.88	7.08	6.98	5.50	3.75	5.25	0.0	0.0	12.24	
204	030204	NGÔ THỊ NGỌC NGÂN	Nữ	23/04/2010	6.4	6.95	7.11	7.09	6.89	4.50	2.75	2.75	0.0	0.0	9.07	
205	030205	NGUYỄN CAO THỊ KIM NGÂN	Nữ	22/10/2010	5.78	6.06	6.21	6.56	6.15	4.00	3.00	7.00	0.0	0.0	11.65	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	030206	NGUYỄN HIỀN NGÂN	Nữ	05/05/2010	7.96	7.73	8.05	8.08	7.96	7.75	3.25	6.75	0.0	0.0	14.81	
207	030207	NGUYỄN KIM NGÂN	Nữ	12/01/2010	8.5	8.99	8.89	9	8.85	8.25	5.75	8.75	0.0	0.5	19.08	
208	030208	TRẦN LÊ KIM NGÂN	Nữ	15/08/2010	5.98	6.1	6.41	6.43	6.23	4.25	1.75	4.25	0.0	0.0	9.04	
209	030209	TRẦN MAI NGÂN	Nữ	01/07/2010	8.78	8.78	8.91	8.9	8.84	6.00	6.50	8.50	0.0	0.0	17.35	
210	030210	TRẦN NGUYỄN SONG NGÂN	Nữ	21/04/2010	8.61	7.66	7.86	7.98	8.03	6.25	4.00	5.75	0.0	0.0	13.61	
211	030211	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	05/12/2010	7.14	7.73	8.44	8.03	7.84	6.00	5.00	4.00	0.0	0.0	12.85	
212	030212	HUỖNH MÃN NGHI	Nữ	27/12/2010	7.24	7.1	7.28	7.59	7.3	5.25	6.50	4.00	0.0	0.0	13.22	
213	030213	ĐỖ THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	21/01/2010	7.48	7.7	7.33	7.51	7.51	5.50	3.50	2.50	0.0	0.0	10.30	
214	030214	HUỖNH THUỖY NGỌC	Nữ	09/01/2010	7.91	7.99	7.7	8.03	7.91	7.00	5.00	6.75	0.0	0.0	15.50	
215	030215	LÊ THỊ THANH NGỌC	Nữ	05/12/2010	8.15	8.3	8.61	8.96	8.51	7.25	6.25	7.50	0.0	0.0	17.25	
216	030216	LƯU HUỖNH BẢO NGỌC	Nữ	13/10/2010	8.05	8.1	8.13	8.5	8.2	6.50	6.50	6.25	0.0	0.0	15.94	
217	030217	NGUYỄN HỒNG BẢO NGỌC	Nữ	28/11/2010	6.78	7.03	8.63	8.59	7.76	7.00	6.25	8.75	0.0	0.0	17.73	
218	030218	NGUYỄN HUỖNH KIM NGỌC	Nữ	14/09/2010	7.1	7.53	7.63	6.95	7.3	6.00	2.25	5.50	0.0	0.0	11.82	
219	030219	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	29/12/2010	7.34	7.31	7.63	8.01	7.57	4.50	4.50	3.00	0.0	0.0	10.67	
220	030220	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	24/02/2010	8.14	8.7	8.83	9.11	8.7	8.00	5.25	8.25	0.0	0.0	17.66	
221	030221	NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	Nữ	03/08/2010	6.78	7.19	7.4	6.93	7.08	4.75	2.00	2.25	0.0	0.0	8.42	
222	030222	NGUYỄN TRẦN TUẤN NGỌC	Nam	21/10/2010	8.69	8.64	8.89	8.44	8.67	7.75	5.50	8.00	0.0	0.0	17.48	
223	030223	NGUYỄN TRẦN YẾN NGỌC	Nữ	21/10/2010	8.66	8.63	9	9.11	8.85	8.00	7.50	8.50	0.0	0.0	19.46	
224	030224	PHAN THANH THỦY NGỌC	Nữ	06/02/2010	8.8	8.68	8.68	8.63	8.7	6.75	7.00	6.75	0.0	0.0	16.96	
225	030225	LÊ HOÀNG NGUYỄN	Nam	22/05/2010	8.53	8.65	8.4	8.86	8.61	5.75	6.75	6.50	0.0	0.0	15.88	
226	030226	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	02/09/2010	8.31	8.36	8.69	9.09	8.61	8.25	7.00	8.00	0.0	0.0	18.86	
227	030227	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	03/11/2010	7.79	8.4	8.58	8.04	8.2	7.50	6.00	6.50	0.0	0.0	16.46	
228	030228	NGUYỄN THỊ KIM NGUYỄN	Nữ	03/10/2010	7.28	7.74	7.9	8.58	7.88	5.83	6.75	6.50	0.0	0.0	15.72	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	030229	NGUYỄN THỊ NGỌC NHANH	Nữ	12/04/2010	8.76	8.55	8.75	8.55	8.65	7.25	6.50	7.00	0.0	0.0	17.12	
230	030230	ĐẶNG HOÀI NHÂN	Nam	19/07/2010	7.4	7.6	7.93	8.41	7.84	6.75	6.00	5.75	0.0	0.0	15.30	
231	030231	ĐẶNG HOÀNG NHÂN	Nam	02/09/2010	7.04	7.43	6.99	7.23	7.17	5.25	5.25	3.50	0.0	0.0	11.95	
232	030232	HUỖNH THANH NHÂN	Nam	17/09/2010	5.85	5.59	5.14	5.94	5.63	3.00	2.50	3.25	0.0	0.0	7.81	
233	030233	NGUYỄN THIÊN NHÂN	Nam	01/01/2010	8.21	8.48	8.81	8.65	8.54	6.00	7.50	6.25	0.0	0.0	16.39	
234	030234	VÕ THÀNH NHÂN	Nam	10/07/2010	6.38	7.3	6.73	7.5	6.98	6.25	5.00	3.00	0.0	0.0	12.07	
235	030235	CHÂU NGỌC NHI	Nữ	13/07/2010	6.46	6.81	7.2	6.81	6.82	5.75	4.50	3.00	0.0	0.0	11.32	
236	030236	HOÀNG TRÚC NHI	Nữ	15/11/2010	8.54	8.16	8.51	8.54	8.44	6.50	7.00	7.75	0.0	0.0	17.41	
237	030237	HỒ THỊ YÊN NHI	Nữ	30/06/2010	6.16	6.99	6.83	7.2	6.8	5.50	4.75	2.75	0.0	0.0	11.14	
238	030238	HUỖNH NGỌC BẢO NHI	Nữ	09/03/2010	8.68	8.46	8.56	8.11	8.45	7.25	5.50	7.00	0.0	0.0	16.36	
239	030239	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	31/01/2010	8.3	7.64	7.66	7.53	7.78	7.50	5.25	4.75	0.0	0.0	14.58	
240	030240	VÕ DIỆP TUYẾT NHI	Nữ	29/03/2010	8.89	8.93	9.05	9.33	9.05	7.25	7.25	6.25	0.0	0.0	17.24	
241	030241	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	26/02/2010	8.66	8.04	7.11	7.44	7.81	6.50	5.50	3.25	0.0	0.0	13.02	
242	030242	CAO HUỖNH YÊN NHƯ	Nữ	09/08/2010	8.5	8.3	8.23	8.24	8.32	5.75	5.00	3.00	0.0	0.0	12.12	
243	030243	ĐẶNG HUỖNH NHƯ	Nữ	16/01/2010	8.64	8.59	8.78	8.83	8.71	6.75	7.25	5.25	0.0	0.0	16.09	
244	030244	HUỖNH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/03/2010	7.2	7.45	7.48	7.15	7.32	5.25	2.50	4.50	0.0	0.0	10.77	
245	030245	HUỖNH THỊ TỎ NHƯ	Nữ	09/12/2010	8.44	8.86	8.96	9.29	8.89	7.00	6.75	5.25	0.0	0.0	15.97	
246	030246	NGUYỄN NGỌC HUỖNH NHƯ	Nữ	18/05/2010	8.21	8.34	7.54	8.69	8.2	6.00	5.00	4.75	0.0	0.0	13.49	
247	030247	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	09/09/2010	9.05	8.74	8.76	8.4	8.74	5.25	4.50	4.00	0.0	0.0	12.25	
248	030248	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	20/03/2010	7.64	6.88	7.31	6.93	7.19	4.50	2.50	1.75	0.0	0.0	8.28	
249	030249	NGUYỄN NGỌC NỮ	Nữ	09/05/2010	8.05	7.8	7.96	8.26	8.02	3.50	6.25	4.00	0.0	0.0	12.03	
250	030250	LÊ GIA PHÁT	Nam	02/09/2010	8.69	8.99	9.21	9	8.97	5.00	8.00	8.25	0.0	0.0	17.57	
251	030251	LÊ VÕ TÁN PHÁT	Nam	15/02/2010	6.55	7.55	7.93	8.06	7.52	5.00	4.50	3.75	0.0	0.0	11.53	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	030252	LƯƠNG ANH PHÁT	Nam	16/05/2010	8.75	8.48	7.69	7.36	8.07	5.50	3.50	5.50	0.0	0.0	12.57	
253	030253	NGUYỄN MINH PHÁT	Nam	23/01/2010	6.35	7.13	7.59	6.66	6.93	3.75	2.00	2.00	0.0	0.0	7.50	
254	030254	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	05/02/2010	6.38	7.09	7.74	7.85	7.27	4.25	4.25	3.50	0.0	0.0	10.58	
255	030255	TRỊNH TIẾN PHÁT	Nam	18/10/2010	7.84	8.21	8.91	9.14	8.53	6.00	7.75	5.00	0.0	0.0	15.68	
256	030256	TRƯƠNG THỊNH PHÁT	Nam	21/08/2010	5.9	6.9	7.33	7.71	6.96	5.25	5.25	3.25	0.0	0.0	11.71	
257	030257	VÔ KIM PHÁT	Nữ	16/02/2010	9.04	8.73	8.79	8.94	8.88	8.00	5.50	8.25	0.0	0.0	17.89	
258	030258	ĐỖ HUỲNH ĐỨC PHI	Nam	11/04/2010	7.04	7.34	7.49	7.26	7.28	2.50	3.50	4.25	0.0	0.0	9.36	
259	030259	VÔ THANH PHONG	Nam	15/01/2010	7.88	7.98	7.81	8.39	8.02	7.00	6.50	6.25	0.0	0.0	16.23	
260	030260	NGUYỄN HUỲNH TRIỆU PHÚ	Nam	31/03/2010	6.93	6.41	6.41	7.26	6.75	5.08	4.00	5.00	0.0	0.0	11.88	
261	030261	NGUYỄN TẤN PHÚ	Nam	16/01/2010	8.78	8.44	8.51	8.54	8.57	5.50	5.50	8.00	0.0	0.0	15.87	
262	030262	NGUYỄN VĨNH PHÚ	Nam	31/12/2010	6.36	7.24	6.96	7.31	6.97	5.75	4.00	2.75	0.0	0.0	10.84	
263	030263	PHAN HOÀNG PHÚ	Nam	26/03/2010	9.13	8.86	8.33	7.89	8.55	4.75	6.25	5.75	0.0	0.0	14.29	
264	030264	TRẦN GIA QUỐC PHÚ	Nam	11/05/2010	7.33	7.18	7.11	7.66	7.32	6.25	6.50	6.50	0.0	0.0	15.67	
265	030265	DƯƠNG TIẾN PHÚC	Nam	01/04/2010	6.08	7.45	7.55	7.76	7.21	5.50	5.00	1.75	0.0	0.0	10.74	
266	030266	LÊ HOÀI PHÚC	Nam	12/01/2010	8.84	8.66	8.41	8.41	8.58	6.67	7.75	7.50	0.0	0.0	17.92	
267	030267	NGUYỄN THANH PHÚC	Nam	02/11/2010	8.23	8.35	8.16	7.86	8.15	6.75	7.00	7.00	0.0	0.0	16.97	
268	030268	NGUYỄN THIÊN PHÚC	Nam	22/03/2010	8.65	8.49	8.58	8.91	8.66	7.25	6.50	8.25	0.0	0.0	18.00	
269	030269	LÊ BẢO UYÊN PHƯƠNG	Nữ	31/03/2010	7.68	7.91	7.74	8.14	7.87	5.75	5.00	5.00	0.0	0.0	13.39	
270	030270	PHAN NHƯ NGỌC PHƯƠNG	Nữ	28/10/2010	9.09	9.2	9.18	9.31	9.2	8.25	8.25	8.00	0.0	0.0	19.91	
271	030271	NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG	Nữ	18/02/2009	7.79	7.94	8.33	7.71	7.94	5.50	2.50	5.25	0.0	0.0	11.66	
272	030272	THỐI YẾN PHƯỢNG	Nữ	23/08/2010	7.24	8	7.69	7.64	7.64	4.75	3.25	3.75	0.0	0.0	10.52	
273	030273	DƯƠNG NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	18/11/2010	7.48	7.29	7.11	7.43	7.33	7.25	5.50	6.25	0.0	0.0	15.50	
274	030274	ĐỖ MINH QUANG	Nam	28/08/2010	7.7	8.35	8.33	8.54	8.23	7.25	6.00	5.75	0.0	0.0	15.77	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	030275	PHẠM NHẬT QUANG	Nam	05/06/2009	7.88	7.4	7.11	6.93	7.33	4.75	3.75	3.75	0.0	0.0	10.77	
276	030276	TRƯƠNG HOÀNG QUI	Nam	08/11/2010	7.24	7.26	7.46	7.93	7.47	5.25	7.00	7.25	0.0	0.0	15.89	
277	030277	BÙI THANH QUY	Nam	27/12/2010	7.44	7.49	7.53	7.4	7.47	4.75	2.50	3.00	0.0	0.0	9.42	
278	030278	HUỲNH THỊ KIM QUYÊN	Nữ	17/12/2010	7.74	7.74	7.61	8.15	7.81	7.25	3.50	2.25	0.0	0.0	11.44	
279	030279	LÊ THỊ THU QUYÊN	Nữ	01/09/2010	8.61	8.59	8.59	8.65	8.61	8.00	7.75	6.50	0.0	0.0	18.16	
280	030280	NGUYỄN THỊ NGỌC QUYÊN	Nữ	09/03/2010	6.01	6.36	6.84	6.74	6.49	5.75	4.75	3.00	0.0	0.0	11.40	
281	030281	PHÙ TÚ QUYÊN	Nữ	30/07/2010	8.41	8.38	8.49	8.51	8.45	5.75	5.25	6.75	0.0	0.0	14.96	
282	030282	TRẦN TRÚC QUYÊN	Nữ	12/10/2010	7.46	7.83	7.76	7.36	7.6	6.00	4.25	3.75	0.0	0.0	12.08	
283	030283	VĂN HUỲNH PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	10/01/2010	8.6	8.9	8.68	8.66	8.71	6.25	6.25	5.75	0.0	0.0	15.39	
284	030284	DƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	06/03/2010	8.68	8.41	8.43	8.15	8.42	5.75	4.25	4.00	0.0	0.0	12.33	
285	030285	DƯƠNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	14/12/2010	7.29	7.98	7.9	7.71	7.72	4.75	4.50	5.25	0.0	0.0	12.47	
286	030286	ĐOÀN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	16/12/2010	8.1	7.93	8.51	8.25	8.2	7.75	6.50	8.50	0.0	0.0	18.39	
287	030287	LÊ THỊ THUÝ QUỲNH	Nữ	14/10/2010	7.91	7.04	7.04	7.66	7.41	5.50	4.75	2.50	0.0	0.0	11.15	
288	030288	LÊ THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	04/06/2010	8.66	8.85	9.29	9.35	9.04	5.75	7.00	7.00	0.0	0.0	16.54	
289	030289	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	07/09/2010	6.46	7.61	7.43	7.58	7.27	4.50	6.25	2.00	0.0	0.0	11.11	
290	030290	TRƯƠNG ĐẶNG NGỌC QUỲNH	Nữ	29/09/2010	8.18	8.53	8.1	7.63	8.11	5.25	5.25	5.75	0.0	0.0	13.81	
291	030291	NGUYỄN PHÚ QUÝ	Nam	25/06/2010	7.81	7.08	7.29	7.7	7.47	4.00	5.50	7.50	0.0	0.0	14.14	
292	030292	HÀ MINH SANG	Nam	24/12/2010	7.71	7.46	7.83	7.41	7.6	4.50	6.00	6.50	0.0	0.0	14.18	
293	030293	NGUYỄN TẤN SANG	Nam	09/08/2010	7.03	7.53	7.48	7.8	7.46	4.50	4.75	2.25	0.0	0.0	10.29	
294	030294	NGUYỄN THANH SANG	Nam	29/08/2010	6	6.9	6.31	6.84	6.51	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.95	Liệt
295	030295	PHẠM HUỲNH PHƯỚC SANG	Nam	04/10/2010	8.01	8.25	8.14	7.63	8.01	4.75	3.25	6.00	0.0	0.0	12.20	
296	030296	PHẠM THỊ NGỌC SÁNG	Nữ	17/10/2009	6.56	6.79	6.6	6.76	6.68	3.75	2.50	4.50	0.0	0.0	9.53	
297	030297	BÙI QUANG THÁI SƠN	Nam	01/11/2010	7.31	7.75	7.99	8.06	7.78	6.25	5.25	8.50	0.0	0.0	16.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	030298	VÔ THÀNH TÀI	Nam	13/07/2010	7.24	6.53	6.69	6.49	6.74	5.00	3.00	3.50	0.0	0.0	10.07	
299	030299	NGUYỄN MINH TÂM	Nam	01/08/2010	6.69	6.43	6.84	6.31	6.57	5.25	1.00	3.50	0.0	0.0	8.80	
300	030300	NGUYỄN THỊ MỸ TÂM	Nữ	09/12/2010	8.93	8.98	8.96	8.9	8.94	6.50	8.00	8.75	0.0	0.0	18.96	
301	030301	VÔ PHẠM GIA TÂN	Nam	16/10/2010	7.85	7.33	7.9	7.91	7.75	4.50	6.75	8.25	0.0	1.0	16.98	
302	030302	NGUYỄN VĂN TÂN	Nam	17/02/2010	6.24	6.75	6.83	7.19	6.75	5.75	4.75	4.00	0.0	0.0	12.18	
303	030303	HUỲNH NGỌC THANH	Nữ	08/07/2010	8.65	8.3	8.43	8.36	8.44	6.25	6.75	7.25	0.0	0.0	16.71	
304	030304	THÁI THIỆN THANH	Nam	06/04/2010	8.04	7.84	7.65	7.91	7.86	4.75	5.25	5.00	0.0	0.0	12.86	
305	030305	TRẦN LÂM VIỆT THANH	Nữ	12/09/2010	8.03	7.93	8.29	8.08	8.08	7.00	5.25	6.25	0.0	0.0	15.37	
306	030306	TRẦN NHỰT THANH	Nam	19/11/2010	5.58	6.74	7.15	6.48	6.49	4.25	3.50	2.50	0.0	0.0	9.12	
307	030307	TRẦN TUẤN THANH	Nam	13/12/2010	6.44	6.41	7.1	7.63	6.9	5.00	4.75	4.25	0.0	0.0	11.87	
308	030308	NGUYỄN ĐẠI THÀNH	Nam	25/10/2010	7.45	8.58	8.64	8.98	8.41	7.00	8.25	4.50	0.0	0.0	16.35	
309	030309	VÔ KIẾN THÀNH	Nam	18/10/2010	8.73	8.14	8.26	8	8.28	6.00	6.50	7.25	0.0	0.0	16.31	
310	030310	LÊ QUỐC THÁI	Nam	04/10/2010	6.89	7.34	7.53	7.34	7.28	6.25	3.50	8.25	0.0	0.0	14.78	
311	030311	NGUYỄN SONG QUỐC THÁI	Nam	01/01/2010	8.84	9.03	9.15	8.75	8.94	7.25	7.50	6.75	0.0	0.0	17.73	
312	030312	PHAN MINH THÁI	Nam	08/10/2010	5.24	5.4	5.43	5.6	5.42	3.00	1.75	3.25	0.0	0.0	7.23	
313	030313	PHẠM ANH THÁI	Nam	05/03/2010	6.91	7.13	7.54	7.7	7.32	4.58	5.00	5.25	0.0	0.0	12.58	
314	030314	TRÀ LÊ BẢO THÁI	Nam	04/04/2010	6.99	7.88	7.64	7.86	7.59	5.75	5.00	5.00	0.0	0.0	13.30	
315	030315	DƯƠNG PHAN PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/11/2010	7.9	7.61	7.7	7.61	7.71	4.50	4.50	7.25	0.0	0.0	13.69	
316	030316	PHAN HUỲNH THẢO	Nữ	06/11/2010	8.58	8.6	8.8	8.74	8.68	6.25	8.00	9.00	0.0	0.0	18.88	
317	030317	PHẠM THANH THẢO	Nữ	07/04/2010	8.31	8.38	8.1	8.65	8.36	6.50	6.25	2.75	0.0	0.0	13.36	
318	030318	TRẦN LÊ THANH THẢO	Nữ	29/07/2010	8.89	9.08	8.94	9.09	9	6.25	6.25	6.75	0.0	0.0	16.18	
319	030319	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	12/06/2010	6.13	6.16	6.54	6.74	6.39	4.50	2.75	2.00	0.0	0.0	8.39	
320	030320	VÔ NGỌC THẮNG	Nam	02/03/2010	8.01	8.49	8.2	8.49	8.3	4.50	6.75	5.00	0.0	0.0	13.87	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	030321	NGUYỄN PHÚ THIÊN	Nam	07/07/2010	7.83	7.25	7.14	6.73	7.24	4.75	4.50	7.25	0.0	0.0	13.72	
322	030322	TRẦN LÊ HẠO THIÊN	Nam	18/01/2010	6.79	7.38	7.1	7.03	7.08	6.00	4.25	6.75	0.0	0.0	14.02	
323	030323	HUỶNH QUỐC THIỆN	Nam	01/12/2010	6.43	7.03	7.7	7.18	7.09	4.00	4.50	3.75	0.0	0.0	10.70	
324	030324	NGUYỄN NGỌC THIỆN	Nam	15/09/2010	6.2	6.76	6.53	6.76	6.56	6.75	3.50	7.75	0.0	0.0	14.57	
325	030325	TIÊU HOÀNG MINH THIỆN	Nam	01/09/2010	6.64	6.96	7.04	6.93	6.89	5.00	6.00	5.25	0.0	0.0	13.44	
326	030326	HỒ QUỐC THỊNH	Nam	30/09/2010	7.65	7.01	7.39	7.51	7.39	5.50	6.50	9.25	0.0	0.0	17.09	
327	030327	NGUYỄN GIA THỊNH	Nam	26/09/2010	7.35	7.53	7.28	7.83	7.5	6.25	6.25	6.75	0.0	0.0	15.73	
328	030328	NGUYỄN THANH THUẬN	Nam	25/08/2010	6.75	6.4	6.25	6.35	6.44	2.50	3.00	3.50	0.0	0.0	8.23	
329	030329	BÙI NGUYỄN BẢO THUY	Nữ	19/03/2010	8.81	8.51	9.15	8.93	8.85	8.50	7.00	6.00	0.0	0.0	17.71	
330	030330	ĐẶNG NGUYỄN THỊ THANH THUY	Nữ	29/01/2010	7.89	8.19	8.53	7.95	8.14	7.00	4.75	3.50	0.0	0.0	13.12	
331	030331	HUỶNH THỊ KIM THUY	Nữ	17/10/2010	8.48	8.03	8.24	8.41	8.29	7.50	7.00	7.75	0.0	0.0	18.06	
332	030332	NGUYỄN PHƯƠNG THỦY	Nữ	05/06/2010	7.24	7.58	8.34	7.88	7.76	7.50	6.25	2.75	0.0	0.0	13.88	
333	030333	DƯƠNG THỊ CẨM THÚY	Nữ	17/03/2010	7.78	8.03	7.79	7.79	7.85	6.00	4.50	3.75	0.0	0.0	12.33	
334	030334	ĐỖ ANH THƯ	Nữ	08/07/2010	7.48	7	6.8	6.9	7.05	6.00	2.75	1.75	0.0	0.0	9.47	
335	030335	LÊ HUỶNH MINH THƯ	Nữ	12/11/2010	6.23	6.1	6.69	6.14	6.29	2.00	1.50	3.50	0.0	0.0	6.79	
336	030336	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	29/08/2010	8	8.34	8.01	8.2	8.14	6.25	5.75	5.25	0.0	0.0	14.52	
337	030337	NGUYỄN HUỶNH ANH THƯ	Nữ	05/06/2010	7.61	7.7	7.69	7.24	7.56	5.50	5.50	2.50	0.0	0.0	11.72	
338	030338	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	19/10/2010	7.88	8.3	8.39	8.39	8.24	5.75	3.50	4.25	0.0	0.0	11.92	
339	030339	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	22/07/2010	5.79	6.1	6.73	6.53	6.29	3.00	2.00	3.50	0.0	0.0	7.84	
340	030340	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	Nữ	26/05/2010	7.48	8.08	8.03	8.43	8.01	5.25	4.50	3.00	0.0	0.0	11.33	
341	030341	NGUYỄN NHỰT ANH THƯ	Nữ	29/04/2010	6.4	7.18	7.35	7.21	7.04	4.00	3.50	4.75	0.0	0.0	10.69	
342	030342	PHẠM THỊ ANH THƯ	Nữ	12/01/2010	8.73	8.86	9.01	9.06	8.92	6.25	5.75	8.00	0.0	0.0	16.68	
343	030343	TRẦN ANH THƯ	Nữ	03/11/2010	9.06	8.73	8.94	8.94	8.92	8.00	7.25	7.50	0.0	0.0	18.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	030344	TRẦN NGỌC MINH THƯ	Nữ	01/11/2010	8.99	9.09	9.25	9.23	9.14	8.25	6.25	8.25	0.0	0.0	18.67	
345	030345	TRƯƠNG LÊ MINH THƯ	Nữ	27/04/2010	7.35	7.78	7.7	7.41	7.56	6.17	4.75	3.25	0.0	0.0	12.19	
346	030346	VŨ ANH THƯ	Nữ	10/08/2010	8.75	9.24	8.98	8.81	8.95	6.75	7.00	8.00	0.0	0.0	17.91	
347	030347	BÙI LÊ TÂY THY	Nữ	01/08/2010	7.13	7.14	6.08	6.88	6.81	4.75	2.75	2.50	0.0	0.0	9.04	
348	030348	NGUYỄN NGỌC THUY TIÊN	Nữ	19/01/2010	9.06	8.91	8.88	8.96	8.95	8.25	7.75	7.25	0.0	0.0	18.96	
349	030349	PHẠM THUY TIÊN	Nữ	07/06/2010	7.18	7.35	7.58	7.03	7.29	5.75	1.25	3.50	0.0	0.0	9.54	
350	030350	HUỖNH KIM TIÊN	Nữ	31/03/2010	7.86	7.49	7.09	7.01	7.36	4.00	3.25	5.50	0.0	0.0	11.13	
351	030351	VÕ THÀNH TIÊN	Nam	16/02/2010	7.4	7.7	7.21	7.34	7.41	6.00	4.75	5.00	0.0	0.0	13.25	
352	030352	NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	31/05/2010	7.16	7.11	7.36	7.78	7.35	6.50	6.00	2.50	0.0	0.0	12.71	
353	030353	NGUYỄN TRẦN TÌNH	Nam	17/10/2010	7.76	7.6	8.3	8.3	7.99	4.50	6.50	4.75	0.0	0.0	13.42	
354	030354	HUỖNH LÊ TRUNG TÍN	Nam	04/06/2010	8.78	8.78	8.75	8.48	8.7	6.50	6.75	6.00	0.0	0.0	16.09	
355	030355	VÕ XUÂN TÍN	Nam	02/05/2010	8.35	7.88	8.13	8.19	8.14	6.75	6.25	7.00	0.0	0.0	16.44	
356	030356	DƯƠNG QUỐC TOÀN	Nam	23/08/2010	9.06	9.19	9.14	8.95	9.09	6.50	9.00	8.50	0.0	0.0	19.53	
357	030357	NGUYỄN ĐỨC THIÊN TOÀN	Nam	04/09/2010	6.74	7.96	7.69	7.6	7.5	4.00	3.50	3.25	0.0	0.0	9.78	
358	030358	NGUYỄN KIẾN TOÀN	Nam	31/03/2010	6.26	6.19	6.58	6.76	6.45	2.50	3.25	3.50	0.0	0.0	8.41	
359	030359	LÊ PHAN YẾN TRANG	Nữ	26/08/2010	6.53	6.88	6.8	6.8	6.75	5.75	5.50	4.00	0.0	0.0	12.70	
360	030360	NGUYỄN NGỌC TRANG	Nữ	24/01/2010	7.46	7.96	8.5	7.29	7.8	6.25	4.75	5.00	0.0	0.0	13.54	
361	030361	THÁI THỊ YẾN TRANG	Nữ	25/10/2010	7.56	7.53	7.85	7.51	7.61	6.50	5.25	3.75	0.0	0.0	13.13	
362	030362	VÕ NGUYỄN THANH TRANG	Nữ	09/08/2010	7.25	7.05	7.5	7.64	7.36	6.50	5.00	6.50	0.0	0.0	14.81	
363	030363	NGÔ THANH TRÀ	Nữ	17/10/2010	6.21	6.54	7.41	6.71	6.72	8.00	3.50	4.25	0.0	0.0	13.04	
364	030364	LÊ THỊ BÁO TRÂM	Nữ	24/07/2010	6.16	5.56	6.21	6.44	6.09	3.25	3.50	3.25	0.0	0.0	8.83	
365	030365	PHAN DƯƠNG NGỌC TRÂM	Nữ	04/12/2010	7.85	7.8	7.31	7.4	7.59	5.50	2.25	3.00	0.0	0.0	9.80	
366	030366	LÊ HÀ VIỆT TRÂN	Nữ	26/02/2010	6.99	7.84	7.34	6.93	7.28	4.50	3.75	4.75	0.0	0.0	11.28	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
367	030367	NGUYỄN QUỲNH QUẾ TRẦN	Nữ	11/05/2010	7.99	7.44	7.34	7.81	7.65	6.25	4.25	6.50	0.0	0.0	14.20	
368	030368	PHẠM NGỌC TRẦN	Nữ	13/05/2010	8.03	7.96	8.36	8.06	8.1	5.75	7.50	7.75	0.0	0.0	17.13	
369	030369	ĐOÀN NGỌC ĐIỂM TRINH	Nữ	17/12/2010	7.76	7.85	7.76	7.79	7.79	7.00	4.00	7.50	0.0	0.0	15.29	
370	030370	CHÂU MINH TRÍ	Nam	14/09/2010	7.46	7.76	7.8	7.61	7.66	8.25	6.50	5.50	0.0	0.0	16.47	
371	030371	HUỶNH THANH TRUNG	Nam	22/04/2010	7.48	7.14	6.75	6.9	7.07	5.75	4.00	4.00	0.0	0.0	11.75	
372	030372	NGUYỄN TRẦN TẤN TRUNG	Nam	23/02/2010	6.44	6.86	7.09	7.65	7.01	4.00	3.75	2.00	0.0	0.0	8.93	
373	030373	LÊ THANH TRÚC	Nữ	07/03/2010	7.7	8.01	8.21	7.99	7.98	6.00	7.00	4.25	0.0	0.0	14.47	
374	030374	LÊ THANH TRÚC	Nữ	10/04/2010	7.5	6.88	7.31	6.69	7.1	5.50	2.25	4.25	0.0	0.0	10.53	
375	030375	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	21/03/2010	7.34	7.64	7.59	7.1	7.42	5.25	2.50	3.00	0.0	0.0	9.75	
376	030376	TRẦN NGUYỄN NHẢ TRÚC	Nữ	17/06/2010	7.5	7.98	7.4	7.38	7.57	4.00	3.25	4.75	0.0	0.0	10.67	
377	030377	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	Nam	01/11/2010	8.26	8.16	8.43	8.5	8.34	7.25	6.75	4.75	0.0	0.0	15.63	
378	030378	PHAN NHẬT TRƯỜNG	Nam	23/12/2010	6.44	6.91	7.21	7.48	7.01	5.00	6.75	4.25	0.0	0.0	13.30	
379	030379	NGUYỄN THÁI THIÊN TUẤN	Nam	16/07/2010	7.59	7.56	7.51	7.38	7.51	7.25	4.50	5.50	0.0	0.0	14.33	
380	030380	TRẦN MINH TUẤN	Nam	13/09/2010	7.2	7.04	6.9	7.16	7.08	6.25	6.50	2.75	0.0	0.0	12.97	
381	030381	NGÔ NGUYỄN GIA TUỆ	Nữ	03/11/2010	7.9	7.8	7.74	8.03	7.87	8.00	7.00	5.50	0.0	0.0	16.71	
382	030382	HỒ NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	27/10/2010	7.9	8.38	8.63	8.34	8.31	6.75	5.75	4.25	0.0	0.0	14.22	
383	030383	NGUYỄN KIM TUYỀN	Nữ	02/02/2010	7.39	7.65	7.83	7.33	7.55	6.00	4.25	4.50	0.0	0.0	12.59	
384	030384	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	Nữ	31/10/2010	6.39	7.49	6.6	7.2	6.92	5.00	4.00	3.00	0.0	0.0	10.48	
385	030385	NGUYỄN PHAN THỤY BÍCH TUYỀN	Nữ	02/02/2010	7.7	7.95	8.45	8.8	8.23	7.50	5.75	6.00	0.0	0.0	15.94	
386	030386	NGUYỄN THỤY NGỌC TUYỀN	Nữ	23/09/2010	7.34	7.33	7.84	7.39	7.48	5.50	3.50	4.50	0.0	0.0	11.69	
387	030387	NGUYỄN TRẦN BÍCH TUYỀN	Nữ	14/04/2010	7.26	7.53	7.54	7.18	7.38	5.00	4.75	8.00	0.0	0.0	14.64	
388	030388	VĂN MỸ NGỌC TUYỀN	Nữ	14/11/2010	5.99	6.4	6.73	7.2	6.58	4.25	4.00	4.00	0.0	0.0	10.55	
389	030389	ĐOÀN THÁI TÚ	Nam	14/04/2010	6.39	6.5	7.16	8.16	7.05	5.50	6.50	5.50	0.0	0.0	14.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
390	030390	LÂM HOÀNG TÚ	Nam	09/07/2010	8.48	8.64	8.85	8.63	8.65	5.50	5.75	5.25	0.0	0.0	14.15	
391	030391	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	06/01/2010	5.6	5.86	6.28	6.73	6.12	2.25	4.25	4.00	0.0	0.0	9.19	
392	030392	NGUYỄN HUỖNH MINH TÚ	Nữ	03/03/2010	8.13	8.16	8.24	8.41	8.24	5.75	4.25	5.25	0.0	0.0	13.15	
393	030393	NGUYỄN THANH TÚ	Nữ	11/07/2010	9.24	8.83	9.38	9.25	9.18	7.25	9.00	5.50	0.0	0.0	17.98	
394	030394	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	04/06/2010	5.64	6.79	7.25	6.99	6.67	3.25	2.75	2.50	0.0	0.0	7.95	
395	030395	NGUYỄN ĐĂNG TƯỜNG	Nam	02/12/2010	6.18	6.16	7.96	7.16	6.87	4.50	2.25	4.00	0.0	0.0	9.59	
396	030396	NGUYỄN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	03/08/2010	8.23	7.79	8.54	8.98	8.39	6.25	5.50	8.50	0.0	0.0	16.69	
397	030397	BÙI MINH TỶ	Nam	09/04/2009	6.36	6.25	7.04	6.26	6.48	2.25	3.75	3.75	0.0	0.0	8.77	
398	030398	LÊ BẢO UYÊN	Nữ	16/12/2010	7.68	7.44	7.56	7.94	7.66	5.25	5.25	9.00	0.0	0.0	15.95	
399	030399	TRỊNH THỊ KIM VÀNG	Nữ	07/04/2010	7.46	7.75	8.04	8.46	7.93	6.25	7.00	4.25	0.0	0.0	14.63	
400	030400	LÊ TRẦN THÙY VÂN	Nữ	18/11/2010	8	8	8.39	8.26	8.16	6.25	7.25	7.50	0.0	0.0	17.15	
401	030401	TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN	Nữ	25/08/2010	8.85	8.95	8.93	9.04	8.94	6.50	8.50	7.25	0.0	0.0	18.26	
402	030402	LÂM TƯỜNG VI	Nữ	05/03/2010	7.05	8.05	8.65	8.86	8.15	7.50	6.25	6.50	0.0	0.0	16.62	
403	030403	HỒ ĐỨC VIỆT	Nam	05/08/2010	8.08	7.71	7.71	7.4	7.73	4.50	5.25	6.75	0.0	0.0	13.87	
404	030404	TRẦN ĐẠI VIỆT	Nam	01/03/2010	7.49	8.25	7.8	8.01	7.89	6.25	4.25	4.75	0.0	0.0	13.04	
405	030405	HUỖNH PHÚ VINH	Nam	03/03/2010	8.74	8.75	8.13	8.38	8.5	7.00	7.75	8.00	0.0	0.0	18.48	
406	030406	LÊ KHÔI VĨ	Nam	13/06/2010	7.33	7.75	7.86	8.04	7.75	4.25	6.50	8.25	0.0	0.0	15.63	
407	030407	NGUYỄN LÊ UY VŨ	Nam	11/05/2010	9.11	9.03	8.71	8.53	8.85	7.50	7.00	8.50	0.0	0.0	18.76	
408	030408	PHẠM HOÀNG VŨ	Nam	21/02/2010	6.36	6.54	6.66	6.89	6.61	3.50	3.75	3.25	0.0	0.0	9.33	
409	030409	DƯƠNG NGỌC THANH VY	Nữ	26/08/2010	8.7	7.89	7.49	7.73	7.95	5.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.26	
410	030410	ĐẶNG DƯƠNG TƯỜNG VY	Nữ	18/06/2010	7.86	7.45	7.74	7.93	7.75	5.75	5.25	8.50	0.0	0.0	15.98	
411	030411	ĐỖ BẢO VY	Nữ	09/08/2010	6.28	6.21	7.18	7.23	6.73	6.25	3.50	4.25	0.0	0.0	11.82	
412	030412	HUỖNH TRẦN THẢO VY	Nữ	11/12/2010	8.2	7.73	7.5	7.86	7.82	5.50	4.25	3.50	0.0	0.0	11.62	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
413	030413	LÊ THẢO VY	Nữ	26/08/2010	8.75	9	8.89	8.9	8.89	8.00	7.25	5.00	0.0	0.0	16.84	
414	030414	LÊ THỊ TUỒNG VY	Nữ	08/06/2010	7.78	8.23	8.2	7.91	8.03	6.50	3.75	2.00	0.0	0.0	10.98	
415	030415	LÊ TUỒNG VY	Nữ	02/12/2010	8.44	8.49	8.39	8.28	8.4	8.00	3.25	5.50	0.0	0.0	14.25	
416	030416	NGUYỄN BẢO PHƯƠNG VY	Nữ	09/11/2010	7.38	5.38	6.33	7.53	6.66	5.00	3.75	4.75	0.0	0.0	11.45	
417	030417	NGUYỄN HOÀNG LÊ VY	Nữ	09/09/2010	8.86	9.13	9.06	9.16	9.05	7.50	6.75	8.75	0.0	0.5	19.32	
418	030418	NGUYỄN HOÀNG NGỌC VY	Nữ	23/01/2010	6.55	6.91	6.18	6.28	6.48	3.50	1.25	2.50	0.0	0.0	7.02	
419	030419	NGUYỄN NGỌC ÁNH VY	Nữ	10/10/2010	6.64	7.13	7.29	7.25	7.08	6.25	3.25	2.75	0.0	0.0	10.70	
420	030420	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	Nữ	04/02/2010	7.16	8.14	8.18	8	7.87	5.83	4.00	2.25	0.0	0.0	10.82	
421	030421	NGUYỄN NGỌC TUỒNG VY	Nữ	20/10/2010	6.71	7.46	7.83	8.4	7.6	6.25	4.50	4.25	0.0	0.0	12.78	
422	030422	NGUYỄN NHẬT VY	Nữ	11/12/2010	7.49	6.88	7.25	7.29	7.23	4.25	5.75	6.50	0.0	0.0	13.72	
423	030423	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG VY	Nữ	20/07/2010	7.31	7.21	7.45	7.41	7.35	4.25	2.75	2.75	0.0	0.0	9.03	
424	030424	NGUYỄN TRẦN TUỒNG VY	Nữ	01/11/2010	8.31	8.29	8.19	8.46	8.31	7.00	6.00	5.75	0.0	0.0	15.62	
425	030425	PHAN THIÊN TIÊN VY	Nữ	11/06/2010	7.38	7.99	7.54	7.2	7.53	6.50	5.25	5.50	0.0	0.0	14.33	
426	030426	PHẠM THỊ THÚY VY	Nữ	04/10/2010	6.4	7.14	6.89	6.81	6.81	4.00	3.75	3.25	0.0	0.0	9.74	
427	030427	TẠ NGUYỄN YẾN VY	Nữ	30/08/2010	8.51	8.19	7.96	7.78	8.11	7.00	4.25	5.00	0.0	0.0	13.81	
428	030428	TRẦN HUỖNH THANH VY	Nữ	09/10/2010	7.39	7.75	7.83	8.3	7.82	4.50	6.00	6.75	0.0	0.0	14.42	
429	030429	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	28/09/2010	5.61	6.45	7.21	7.1	6.59	4.25	3.00	3.50	0.0	0.0	9.50	
430	030430	TRẦN NGUYỄN YẾN VY	Nữ	21/10/2010	6.78	7.7	8.5	8.3	7.82	5.25	6.00	5.00	0.0	0.0	13.72	
431	030431	CAO THỊ KIM YẾN	Nữ	19/12/2010	6.9	7.09	8.24	8.03	7.57	5.75	7.00	3.00	0.0	0.0	13.30	
432	030432	CHU HẢI YẾN	Nữ	18/11/2010	8.59	8.49	8.6	8.68	8.59	4.75	5.25	7.00	0.0	0.0	14.48	
433	030433	NGUYỄN HOÀNG BẢO YẾN	Nữ	03/09/2010	7.43	7.18	7.43	7.01	7.26	3.00	4.50	3.50	0.0	0.0	9.88	
434	030434	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	17/06/2010	7.98	8.2	8.34	7.98	8.13	7.25	2.75	5.50	0.0	0.0	13.29	
435	030435	TRẦN BÙI HẢI YẾN	Nữ	11/07/2010	8.01	7.29	7.39	7.66	7.59	6.00	5.75	4.75	0.0	0.0	13.83	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
436	030436	TRẦN NGUYỄN HOÀNG YẾN	Nữ	11/09/2010	6.25	7.54	7.09	7.4	7.07	3.75	4.00	4.25	0.0	0.0	10.52	
437	030437	LÊ NGỌC NHƯ Ý	Nữ	14/03/2010	7.03	7.4	6.7	6.95	7.02	4.75	5.00	5.75	0.0	0.0	12.96	
438	030438	PHAN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	14/07/2010	7.69	8.04	8.58	8.05	8.09	7.00	5.50	7.25	0.0	0.0	16.25	
439	030439	VÕ THỊ NHƯ Ý	Nữ	27/04/2010	8.18	7.49	7.81	8.26	7.94	2.75	5.75	7.25	0.0	0.0	13.41	

Danh sách này có 439 thí sinh/

Cán bộ in


Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm


Võ Chuý Trương

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng